

Phụ lục VII .2

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ QUẬN BÌNH THỦY

(Kèm theo Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2014
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Đơn vị tính: đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
a) Đất ở tại đô thị				
1	Bùi Hữu Nghĩa	Cầu Bình Thủy	Nguyễn Truyền Thanh	10,000,000
2	Cách Mạng Tháng Tám	Nguyễn Đệ, hẻm 86	Cầu Bình Thủy	12,000,000
3	Đinh Công Chánh	Chợ Phó Thọ	Trại Cưa	2,500,000
4	Đỗ Trọng Văn (đường Số 24, khu dân cư Ngân Thuận)	Lê Hồng Phong	Đường Số 13, khu dân cư Ngân Thuận	5,500,000
5	Đường Công Bình	Lê Hồng Phong	Tiếp giáp đường Huỳnh Phan Hộ	3,000,000
6	Đường Vành Đai Phi Trường	Võ Văn Kiệt	Trần Quang Diệu	3,000,000
7	Lê Văn Bì	Lê Văn Sô	Hẻm 91 Cách mạng Tháng Tám	2,500,000
8	Huỳnh Mẫn Đạt	Cách Mạng Tháng Tám	Rạch Khai Luông	4,500,000
9	Huỳnh Phan Hộ	Lê Hồng Phong	Hẻm 26 Huỳnh Phan Hộ	3,600,000
10	Lê Hồng Phong	Cầu Bình Thủy	Huỳnh Phan Hộ (Bên trái)	8,000,000
			Ranh Càng Cần Thơ (Bên phải)	8,000,000
		Huỳnh Phan Hộ (Bên trái)	Cầu Trà Nóc	6,000,000
		Ranh Càng Cần Thơ (Bên phải)		6,000,000
		Cầu Trà Nóc	Cầu Sang Trắng 1	4,500,000

11	Lê Thị Hồng Gấm	Lê Hồng Phong	Cầu Xẻo Mây	3,000,000
12	Lê Quang Chiêu	Lê Văn Sô	Nguyễn Thông	2,500,000
13	Lê Văn Sô	Cách Mạng Tháng Tám	Giáp cuối hẻm 385 Trần Quang Diệu	3,000,000
14	Nguyễn Chánh Tâm (đường Số 6, khu dân cư Ngân Thuận)	Lê Hồng Phong	Đường Số 41, khu dân cư Ngân Thuận	3,500,000
15	Nguyễn Đệ (Vành Đai Phi Trường)	Cách Mạng Tháng Tám	Võ Văn Kiệt	11,000,000
16	Nguyễn Thông	Cách Mạng Tháng Tám	cuối đường	5,000,000
17	Nguyễn Truyền Thanh	Lê Hồng Phong	Bùi Hữu Nghĩa	6,000,000
18	Nguyễn Việt Dũng	Cách Mạng Tháng Tám	Trần Quang Diệu	5,000,000
19	Nguyễn Viết Xuân	Lê Hồng Phong	Lê Thị Hồng Gấm	2,500,000
20	Phạm Hữu Lầu	Trần Quang Diệu	Vành Đai Phi Trường	2,500,000
21	Thái Thị Nhạn	Suốt tuyến		2,000,000
22	Trần Quang Diệu	Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Ván	8,000,000
		Cầu Ván	Chợ Ngã Tư	3,500,000
		Chợ Ngã Tư	Cầu Bình Thủy 2	3,000,000
23	Võ Văn Kiệt	Ranh quận Ninh Kiều	Cầu Bà Bộ	8,500,000
		Cầu Bà Bộ	Cầu Bình Thủy 2	7,000,000
		Cầu Bình Thủy 2	Cuối đường	6,000,000
	b) Đất ở đô thị thuộc các Hẻm vị trí 2:			
1	Hai hẻm cặp chợ Bình Thủy Bùi Hữu Nghĩa	Suốt tuyến		2,000,000
2	Hẻm 79, Hẻm 81 Cách Mạng Tháng Tám	Cách Mạng Tháng Tám	Cuối đường	3,000,000
3	Hẻm 86 Cách Mạng Tháng Tám	Suốt tuyến		4,000,000
4	Hẻm 91 Cách mạng tháng Tám	Suốt tuyến		3,000,000
5	Hẻm 115 Cách Mạng Tháng Tám	Suốt tuyến		3,000,000

6	Hẻm 116, Cách mạng tháng tám (Khu dân cư do Cty Phát triển và Kinh doanh nhà đầu tư)	Đường nội bộ toàn khu		3,000,000
7	Hẻm 180 Cách Mạng Tháng Tám	Suốt tuyến		3,000,000
8	Hẻm 244 Cách Mạng Tháng Tám	Suốt tuyến		3,000,000
9	Hẻm 292 Cách Mạng Tháng Tám	Suốt tuyến		2,500,000
10	Đặng Thị Nhường (Hẻm 300 Cách mạng tháng Tám)	Cách Mạng Tháng Tám	Rạch Khai Luông	2,500,000
11	Hẻm 314 Cách Mạng Tháng Tám	Cách Mạng Tháng Tám	Chùa Hội Linh	2,500,000
12	Hẻm 366 Cách Mạng Tháng Tám	Đoạn tráng nhựa		2,500,000
13	Hẻm 444 Cách mạng tháng Tám	Cách Mạng Tháng Tám	Khu tưởng niệm Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa	3,000,000
14	Hẻm 512 Cách Mạng Tháng Tám	Cách Mạng Tháng Tám	Khu dân cư An Thới	4,000,000
15	Hẻm 18 Công Bình	Công Bình	Hẻm 71 Lê Hồng Phong	1,500,000
16	Hẻm 3 Lê Hồng Phong	Suốt tuyến		2,000,000
17	Hẻm 13 (hẻm Cô Bắc) Lê Hồng Phong	Suốt tuyến		1,500,000
18	Hẻm 14 Lê Hồng Phong	Suốt tuyến		2,000,000
19	Hẻm 15 Lê Hồng Phong	Suốt tuyến		2,000,000
20	Hẻm 18 Lê Hồng Phong	Suốt tuyến		2,000,000
21	Hẻm 18A Lê Hồng Phong	Lê Hồng Phong	Cuối đường	1,500,000
22	Hẻm 19 Lê Hồng Phong	Suốt tuyến		2,000,000
23	Hẻm 71 Lê Hồng Phong	Lê Hồng Phong	Giáp hẻm 18 Công Bình	2,000,000

24	Hẻm 1 Nguyễn Thông	Suốt tuyến		1,500,000
25	Hẻm 122 Nguyễn Thông	Nguyễn Thông	Hết ranh (Hội người mù)	2,000,000
26	Hẻm 192 Nguyễn Thông	Suốt tuyến		1,500,000
27	Hẻm 218 Nguyễn Thông	Suốt tuyến		1,500,000
28	Hẻm 29 Nguyễn Thông	Nguyễn Thông	Ngã ba	1,500,000
29	Hẻm Nội bộ KTT Chữ Thập Đỏ - Nguyễn Thông	Nguyễn Thông	Giáp Khu nhà nuôi dưỡng người già và trẻ em	2,000,000
30	Hẻm 108 Trần Quang Diệu	Cầu Ván	Võ Văn Kiệt	1,500,000
31	Hẻm 154 Trần Quang Diệu	Suốt tuyến		2,000,000
32	Hẻm 170 Trần Quang Diệu	Suốt tuyến		2,000,000
33	Hẻm 172 Trần Quang Diệu	Suốt tuyến		2,000,000
34	Hẻm 174 Trần Quang Diệu	Suốt tuyến		2,000,000
35	Hẻm 180 Trần Quang Diệu	Trần Quang Diệu	Giáp ranh cổng sau Bộ Tư lệnh QK9	2,000,000
36	Hẻm 385 Trần Quang Diệu	Trần Quang Diệu	Cuối hẻm, Lê Văn Sô	2,000,000
37	Hẻm 557 Trần Quang Diệu	Suốt tuyến		2,000,000
38	Hẻm khu dân cư kho K1 - Trần Quang Diệu	Hai hẻm trục chính		2,000,000
39	Hẻm 249 Vành Đai Phi Trường	Vành Đai Phi Trường	Hẻm 108 Trần Quang Diệu (Cầu Ván)	1,500,000
40	Hẻm khu tập thể hóa chất và cơ điện công nghiệp	Lê Hồng Phong		2,000,000
41	Hẻm 5 Đường tỉnh 918	Đường tỉnh 918	Cuối hẻm	1,500,000
42	Hẻm Xóm Lưới	Lê Hồng Phong	Cuối đường	1,500,000

43	Hẻm 164, Cách Mạng Tháng Tám	Cách Mạng Tháng Tám	Cuối đường	2,500,000
44	Hẻm 194, Cách Mạng Tháng Tám	Suốt tuyến		2,500,000
45	Hẻm 208, Cách Mạng Tháng Tám	Suốt tuyến		2,500,000
46	Hẻm 220, Cách Mạng Tháng Tám	Suốt tuyến		2,500,000
47	Hẻm 3 (Chùa Phước Tuyền), Lê Hồng Phong	Suốt tuyến		1,500,000
48	Hẻm 5, Lê Hồng Phong	Suốt tuyến		1,500,000
49	Hẻm 65, Lê Hồng Phong	Lê Hồng Phong	Cuối đường	1,500,000
50	Hẻm Liên tổ 2, 3, 4	Lê Hồng Phong	Cuối đường	1,500,000
51	Hẻm 4, Bùi Hữu Nghĩa	Hết đoạn tráng nhựa		2,500,000
52	Hẻm 32, Công Bình	Công Bình	Cuối hẻm	2,000,000
53	Hẻm 22, Huỳnh Phan Hộ	Huỳnh Phan Hộ	Cuối đường	1,500,000
54	Hẻm 26, Huỳnh Phan Hộ	Huỳnh Phan Hộ	Giáp Khu dân cư Ngân Thuận	2,000,000
55	Hẻm 38, Huỳnh Phan Hộ	Huỳnh Phan Hộ	Hết đoạn tráng nhựa	2,000,000
56	Hẻm 1, Lê Hồng Phong	Suốt tuyến		1,500,000
57	Hẻm 7, Lê Hồng Phong	Suốt tuyến		1,500,000
58	Hẻm 16, Lê Hồng Phong	Lê Hồng Phong	Cuối đường	2,000,000
59	Hẻm 29, Lê Hồng Phong	Lê Hồng Phong	Hết đoạn nâng cấp đô thị	2,500,000
60	Hẻm 44, Lê Hồng Phong	Lê Hồng Phong	Hết đoạn nâng cấp đô thị	1,500,000
61	Đường vào Tổng công ty phát điện 2, phường Trà Nóc	Nguyễn Chí Thanh	Công vào Tổng công ty phát điện 2	1,500,000
62	Hẻm 287, Trần Quang Diệu	Trần Quang Diệu	Nguyễn Thông	2,000,000

63	Hẻm 91 ngang (đoạn mới nâng cấp theo dự án nâng cấp đô thị)	Hẻm 517, Trần Quang Diệu	Cuối hẻm	2,000,000
64	Hẻm vào trường Trung cấp dược Mêkong	Hẻm 91	Hẻm 91 ngang	2,000,000
65	03 hẻm nhánh đường Lê Văn Bì (đoạn tráng nhựa)	Lê Văn Bì	Hẻm 91 ngang	1,500,000
66	Hẻm nhánh đường Phạm Hữu Lầu	Phạm Hữu Lầu	Hẻm 154, Trần Quang Diệu	2,000,000
67	Hẻm 162/48, Trần Quang Diệu	Trần Quang Diệu	Hết đoạn tráng bê tông	1,500,000
68	Hẻm 412, Cách mạng tháng tám	Cách mạng tháng tám	Hết đoạn tráng nhựa	2,500,000
69	Hẻm 1, Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Chí Thanh	Cuối hẻm	1,500,000
70	Hẻm 1A, Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Chí Thanh	Cuối hẻm	1,500,000
71	Hẻm 2, Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Chí Thanh	Cuối hẻm	1,500,000
72	Khu tập thể Cầu đường 675	Đường nội bộ toàn khu		3,000,000
73	Khu dân cư Cái Sơn Hàng Bàng			2,000,000
74	Khu dân cư Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh VLXD Fico	Trục chính		4,000,000
		Trục phụ		3,000,000
75	Khu dân cư Cty Cổ phần xây lắp PTKD nhà	Đường nội bộ toàn khu		3,000,000
76	Khu dân cư Ngân Thuận (trừ các trục đường đã đặt tên và có giá cụ thể trong bảng giá đất)	Trục chính		5,500,000
		Trục phụ		3,500,000
77	Khu tái định cư Hẻm 115			2,000,000
78	Khu tái định cư 12,8ha	Trục chính		3,000,000

		Trục phụ		2,000,000
79	Khu dân cư vượt lũ tại phường Trà Nóc	Toàn khu		2,000,000
c) Đất ở tiếp giáp các trục giao thông				
1	Đường cấp rạch Ông Dừa (Bên phải)	Đường tỉnh 918	Hết đoạn tráng bê tông	1,000,000
2	Đường rạch Bà Bộ	Hết đoạn tráng nhựa		2,000,000
3	Nguyễn Chí Thanh (Đường tỉnh 917)	Lê Hồng Phong	Cầu Rạch Gừa	2,500,000
		Cầu Rạch Gừa	Hết đường nhựa phần còn lại	1,500,000
4	Bùi Hữu Nghĩa (Đường tỉnh 918)	Nguyễn Truyền Thanh	Cầu Tư Bé	6,000,000
		Cầu Tư Bé	Cầu Rạch Cam	3,000,000
		Cầu Rạch Cam	Ngã ba Nguyễn Văn Trường	2,000,000
		Phần còn lại		1,500,000
5	Đường Rạch Cam - Quốc lộ 91B	Chợ Phó Thọ	Trường THCS Long Hòa 2	2,000,000
6	Đường vào chợ Trà Nóc	Khu vực chợ Trà Nóc	Rạch Ông Tảo	1,500,000
7	Tạ Thị Phi (Đường vào Khu di tích Vườn Mận)	Nguyễn Văn Trường	Khu dân cư đường Nguyễn Văn Cừ	1,000,000
8	Lộ Trường Tiền - Bông Vang	Đường tỉnh 918	Ranh huyện Phong Điền	1,500,000
9	Nguyễn Thanh Sơn	Đường tỉnh 918	Võ Văn Kiệt	2,000,000
10	Nguyễn Thị Tạo	Quốc lộ 91B (Nguyễn Văn Linh)	Cầu Muồng Mẫu	2,500,000
11	Nguyễn Văn Cừ (Dự án khai thác quỹ đất, tính trong thâm hậu 50m)	Giáp ranh quận Ninh Kiều	Ranh huyện Phong Điền	6,000,000
12	Nguyễn Văn Cừ (Dự án khai thác quỹ đất, tính ngoài thâm hậu 50m)	Giáp ranh quận Ninh Kiều	Ranh huyện Phong Điền	2,400,000
13	Nguyễn Văn Trường	Đường tỉnh 918	Cầu Ngã Cái	2,500,000

14	Quốc lộ 91B (Nguyễn Văn Linh)	Rạch Bà Bộ (ranh quận Ninh Kiều)	Cầu Bình Thủy 3	3,000,000
		Cầu Bình Thủy 3	Cầu Rạch Cam	2,500,000
		Cầu Rạch Cam	Giáp ranh quận Ô Môn	1,500,000
15	Đường vào Làng hoa kiểng Bà Bộ	Quốc lộ 91B (Nguyễn Văn Linh)	Hết đoạn tráng nhựa	2,500,000
16	Tuyến đường từ Võ Văn Kiệt (cầu Cầu Rạch Chanh) - Rạch Bà Cầu	Võ Văn Kiệt	Rạch Bà Cầu	2,000,000
17	Tuyến Ngã Ba - ông Tư Lợi (phường Thới An Đông)	Cầu Trà Nóc 2	Quốc lộ 91B (cầu Giáo Dẫn)	2,000,000

Tài liệu này được lưu trữ tại <http://cafeland.vn>